

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-7-2022

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Đạt

2. Bà Lê Thị Huyền Trâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Đội 1, thôn L, xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Quảng N.

Chỗ ở hiện nay: Số 544 Lý Thái T, phường 10, quận 10, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Võ Thanh Ph, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Đội 1, thôn L, xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Quảng N.

Bà V, ông Ph đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Ph có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1985 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Quảng N. Tuy nhiên, hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà với ông Ph đã bị thất lạc. Trong quá trình sống chung giữa bà với ông Ph đã có nhiều mâu thuẫn, ông Ph là người đàn ông trụ cột trong gia đình nhưng không chịu lo làm ăn chỉ muốn sống với một cuộc sống hưởng thụ. Vì vậy giữa bà với ông Ph không có cùng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng giữa bà với ông Ph nay không còn tình cảm. Bà với ông Ph đã ly thân từ năm

2009 mãi cho đến nay. Nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Giữa bà với ông Ph có 01 con chung, Võ Anh T, sinh năm 1986 đã thành niên, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn là ông Võ Thanh Ph có bản tự khai ngày 05/4/2022 đã khai như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà V có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 1985. Hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Về quan hệ hôn nhân giữa ông với bà V không còn tình cảm, vì bà V đã có người đàn ông khác, ông đồng ý ly hôn với bà V, nhưng bà V phải đưa cho ông số tiền khoảng 100.000.000đồng (một trăm triệu) để ông dưỡng già.

- Về con chung, về nợ chung đúng như nội dung bà V đã trình bày, ông thống nhất và đồng ý, ông không có ý kiến bổ sung gì thêm.

- Về tài sản chung: Bị đơn đã khai, trong quá trình chung sống với bà V, khi bà V vào Thành phố H để mở quán cơm thì ông có đưa cho bà V một số vàng khoảng 08 cây vàng, trị giá 80.000.000đồng để mở quán cơm tại Thành phố H. Vì tình nghĩa vợ chồng khi ly hôn ông yêu cầu bà V đưa cho ông 100.000.000đồng để ông dưỡng già, chứ ông không khởi kiện và không yêu cầu Toà án giải quyết về việc chia tài sản chung giữa ông với bà V.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng N trình bày như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà V được ly hôn với ông Ph. Về con chung: Có 01 con chung đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Đối với ý kiến của bị đơn về việc khi ly hôn nguyên đơn phải đưa cho bị đơn số tiền 100.000.000đồng. Đề nghị, Hội đồng xét xử không chấp nhận, vì không có cơ sở pháp luật.

Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách, toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Võ Thanh Ph. Bị đơn ông Võ Thanh Ph có nơi cư trú tại xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Quảng N. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là: “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận, giữa nguyên đơn với bị đơn có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 1985 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Quảng N. Tuy nhiên, do quá trình kết hôn đã lâu nên nguyên đơn, bị đơn đã bị thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Căn cứ vào nội dung xác nhận của bà Nguyễn Thị T (là người trực tiếp dự đám cưới) xác nhận: *“Tôi tên là Nguyễn Thị T, CMND số 051172011129 xác nhận bà Bùi Thị V và ông Võ Thanh Ph sống với nhau là vợ chồng và có một con chung là Võ Anh T”*. Đối chiếu quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC- VKSNDTC -BTP ngày 03/01/2001, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà V đã khai, trong quá trình sống chung giữa nguyên đơn, bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, ly thân đã lâu. Bị đơn, ông Ph cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa ông với bà V cũng không còn tình cảm, vì bà V đã có người đàn ông khác, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, phần ai nấy sống, không còn quan tâm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên được đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng dành thời gian để thuyết phục, hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng bà V vẫn yêu cầu được ly hôn với ông Ph. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung, Võ Anh T, sinh năm 1986, đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Bà V, ông Ph đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Bị đơn đã khai, khi nguyên đơn vào Thành Phố H để mở quán cơm thì bị đơn có đưa cho nguyên đơn một số vàng (nhiều lần đưa cho nguyên đơn, tổng cộng các lần đưa khoảng 08 cây vàng, trị giá 80.000.000đồng) để mở quán cơm tại Thành phố H. Vì vậy, khi ly hôn với nguyên đơn, bị đơn yêu cầu nguyên đơn cho bị đơn 100.000.000đồng để bị đơn dưỡng già, bị đơn không khởi kiện và cũng

không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung giữa nguyên đơn với bị đơn.

Để có căn cứ giải quyết yêu cầu của bị đơn. Ngày 19-4-2022 Tòa án nhân dân huyện T đã ra Thông báo số 54/TB-TA về việc làm đơn khởi kiện và giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Thông báo trên đã tổng đạt trực tiếp cho bị đơn. Tuy nhiên, đã hết thời hạn nêu tại Thông báo nhưng bị đơn không nộp đơn khởi kiện cho Tòa án mà không có lý do chính đáng. Ngày 02-5-2022 Tòa án nhân dân huyện T đã triệu tập bị đơn lên làm việc về nội dung liên quan đến tài sản chung theo bị đơn đã khai. Tuy nhiên, tại buổi làm việc bị đơn khẳng định là bị đơn không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung giữa bị đơn với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn yêu cầu khi ly hôn nguyên đơn phải đưa cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng để dưỡng già. Xét thấy ý kiến này của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận vì bị đơn khẳng định bản thân bị đơn không phải là đối tượng cần được cấp dưỡng do khó khăn, túng thiếu theo quy định tại Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 mà bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải đưa lại tài sản cho bị đơn. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bị đơn không khởi kiện Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 115 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông tư số 01/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC -BTP ngày 03/01/2001.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị V về việc “Ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị V được ly hôn ông Võ Thanh Ph.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung đã thành niên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3 Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002069 ngày 15-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng N.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng N;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Nghĩa T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Na Na

